

Thông Tin Chi Tiết Về Phúc Lợi Nha Khoa

2025

Tài liệu này cung cấp thêm thông tin chi tiết về phúc lợi nha khoa bổ sung được bao trả trong chương trình của chúng tôi. Để biết thêm thông tin về tài liệu này hoặc phúc lợi nha khoa của quý vị, vui lòng liên hệ với Bộ Phận Dịch Vụ Thành Viên theo số điện thoại hoặc địa chỉ web được trình bày trên mặt sau của *Chứng Thực Bảo Hiểm* hoặc trên thẻ ID Thành viên của quý vị.

Thông Tin Chi Tiết Về Phúc Lợi Nha Khoa áp dụng cho gói phúc lợi chương trình được trình bày dưới đây. Gói phúc lợi chương trình này có trên mặt sau của *Chứng Thực Bảo Hiểm*, ở góc dưới bên phải.

Tiểu bang	Gói Phúc Lợi Chương Trình	Tên Chương Trình
HI	H2491004000	Wellcare 'Ohana Dual Align (HMO-POS D-SNP)
HI	H2491026000	Wellcare 'Ohana Dual Liberty (HMO-POS D-SNP)

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm:

'Ohana Health Plan, một chương trình do WellCare Health Insurance of Arizona, Inc. cung cấp.

Vui lòng liên hệ với chương trình của quý vị để biết chi tiết.



Tóm Tắt Phúc Lợi Nha Khoa
Wellcare 'Ohana Dual Liberty (HMO D-SNP) & Wellcare 'Ohana
Dual Align (HMO D-SNP) - Group No. 9050-1
Ngày có hiệu lực: 01/01/2025



Tóm tắt này là mô tả ngắn gọn về phúc lợi nha khoa của thành viên Hawaii Dental Service (HDS). Có thể áp dụng một số giới hạn, hạn chế và loại trừ. Phúc lợi chương trình được điều chỉnh theo các điều khoản nêu chi tiết trong thỏa thuận của Wellcare By 'Ohana Health Plan với HDS, Hướng Dẫn Về Mã Quy Trình của HDS và Chính Sách Quốc Gia của Delta Dental khi phù hợp. Một số điều khoản có thể khác nhau giữa các thỏa thuận như thời gian chờ, tần suất và giới hạn độ tuổi, v.v. và có thể không được đưa vào bản tóm tắt này. Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ với bộ phận Dịch Vụ Khách Hàng của HDS.

Quý vị phải sử dụng dịch vụ của nha sĩ thuộc mạng lưới HDS Medicare Advantage để được HDS thanh toán cho phúc lợi được bao trả liệt kê trong bảng dưới đây. Nếu quý vị sử dụng dịch vụ của nha sĩ không tham gia mạng lưới HDS Medicare Advantage, dịch vụ đó sẽ không được chương trình bao trả và quý vị sẽ chịu trách nhiệm chi trả cho toàn bộ chi phí của dịch vụ đó.

Để biết danh sách nha sĩ trong mạng lưới, tham khảo Danh Mục Nhà Cung Cấp, truy cập hawaiidentalsservice.com hoặc gọi đến bộ phận dịch vụ khách hàng của HDS theo số 529-9248 hoặc số điện thoại miễn phí 1-844-379-4325 (Thứ Hai đến Thứ Sáu, 8:00 a.m. đến 8:00 p.m.).

Mã số	Mô Tả Mã	Tính Định Kỳ
D0460	Kiểm Tra Sức Sống Của Tủy Răng	1 lần khám cho mỗi răng trên mỗi ngày cung cấp dịch vụ
D0470	Mẫu đúc	1 mỗi 12 tháng cho mỗi kiểm tra
D0472	Nhập thêm mô, kiểm tra tổng thể, chuẩn bị & báo cáo	1 mỗi 12 tháng cho mỗi kiểm tra
D0473	Nhập thêm mô, kiểm tra tổng thể/vi mô, chuẩn bị, báo cáo	1 mỗi 12 tháng cho mỗi kiểm tra
D0474	Nhập thêm mô, kiểm tra tổng thể/vi mô, báo cáo	1 mỗi 12 tháng cho mỗi kiểm tra
D0480	Nhập thêm phết tế bào bong tróc	1 mỗi 12 tháng cho mỗi kiểm tra
D0484	Tư vấn về tiêu bản được chuẩn bị ở nơi khác	1 mỗi 12 tháng cho mỗi kiểm tra
D0999	Thủ thuật chẩn đoán không xác định, theo báo cáo	1 mỗi 12 tháng cho mỗi kiểm tra
D2390	Mão răng chất liệu tổng hợp gốc nhựa, phía trước	1 mỗi 24 tháng; cho mỗi bề mặt mỗi răng
D2542	Miếng trám phủ bên trên, kim loại, hai mặt	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng

Mã số	Mô Tả Mã	Tính Định Kỳ
D2543	Miếng trám phủ bên trên, kim loại, ba mặt	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2544	Miếng trám phủ bên trên, kim loại, bốn mặt trở lên	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2642	Miếng trám phủ bên trên, sứ, hai mặt	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2643	Miếng trám phủ bên trên, sứ, ba mặt	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2644	Miếng trám phủ bên trên, sứ, bốn mặt trở lên	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2662	Miếng trám phủ bên trên, chất liệu tổng hợp gốc nhựa, hai mặt	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2663	Miếng trám phủ bên trên, chất liệu tổng hợp gốc nhựa, ba mặt	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2664	Miếng trám phủ bên trên, chất liệu tổng hợp gốc nhựa, bốn mặt trở lên	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2710	Mão răng, chất liệu tổng hợp gốc nhựa (gián tiếp)	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2712	Mão răng, $\frac{3}{4}$ chất liệu tổng hợp gốc nhựa (gián tiếp)	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2720	Mão răng - chất liệu tổng hợp gốc nhựa (gián tiếp)	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2721	Mão răng, nhựa với chủ yếu kim loại thường	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2722	Mão răng, nhựa với kim loại quý	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2740	Mão răng, sứ	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2750	Mão răng - sứ bọc ngoài kim loại rất quý	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2751	Mão răng, sứ bọc ngoài chủ yếu kim loại thường	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2752	Mão răng, sứ bọc ngoài kim loại quý	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2753	Mão răng, sứ bọc ngoài hợp kim titan	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2780	Mão răng - $\frac{3}{4}$ mẫu đúc bằng kim loại rất quý	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2781	Mão răng, $\frac{3}{4}$ mẫu đúc bằng chủ yếu kim loại thường	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2782	Mão răng, $\frac{3}{4}$ mẫu đúc bằng kim loại quý	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng

Mã số	Mô Tả Mã	Tính Định Kỳ
D2783	Mão răng, ¾ sứ	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2790	Mão răng - toàn phần mẫu đúc bằng kim loại rất quý	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2791	Mão răng, toàn phần mẫu đúc bằng chủ yếu kim loại thường	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2792	Mão răng, toàn phần mẫu đúc bằng kim loại quý	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2794	Mão răng - titan	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2915	Gắn lại hoặc dán lại trụ & cùi răng đúc gián tiếp/đúc sẵn	1 mỗi 12 tháng cho mỗi răng
D2921	Gắn lại mảnh răng, rìa cắn hoặc múi răng (phía trước)	1 mỗi 12 tháng cho mỗi răng
D2928	Mão răng sứ đúc sẵn	1 mỗi 36 tháng cho mỗi răng
D2932	Mão răng nhựa đúc sẵn	1 mỗi 36 tháng cho mỗi răng
D2940	Phục hình bảo vệ	1 mỗi 24 tháng cho mỗi răng
D2955	Tháo trụ răng	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2971	Thủ thuật bổ sung để điều chỉnh mao răng cho vừa với khung hàm răng giả một phần hiện hữu	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D2980	Sửa chữa mao răng cần thiết do chất liệu phục hình bị hỏng	1 mỗi 36 tháng cho mỗi răng
D2981	Sửa chữa miếng trám bên trong cần thiết do chất liệu phục hình bị hỏng	1 mỗi 36 tháng cho mỗi răng
D2982	Sửa chữa miếng trám phủ bên trên cần thiết do chất liệu phục hình bị hỏng	1 mỗi 36 tháng cho mỗi răng
D2983	Sửa chữa lớp veneer cần thiết do chất liệu phục hình bị hỏng	1 mỗi 36 tháng cho mỗi răng
D2999	Thủ thuật phục hồi không xác định, theo báo cáo	1 mỗi 36 tháng cho mỗi răng
D3110	Chụp tủy, trực tiếp (không bao gồm phục hình hoàn thiện)	1 cho mỗi răng cả đời
D3120	Chụp tủy, gián tiếp (không bao gồm phục hình hoàn thiện)	1 cho mỗi răng cả đời
D3220	Lấy tủy trị liệu (không bao gồm phục hình hoàn thiện)	1 cho mỗi răng cả đời
D3221	Nạo tủy, răng sữa và răng vĩnh viễn	1 cho mỗi răng cả đời

Mã số	Mô Tả Mã	Tính Định Kỳ
D3222	Lấy tủy một phần để tạo điều kiện sinh chóp - răng vĩnh viễn có chân răng chưa phát triển hoàn thiện	1 cho mỗi răng cả đời
D3230	Điều trị tủy răng, phía trước, răng sữa (không bao gồm phục hình hoàn thiện)	1 cho mỗi răng cả đời
D3240	Điều trị tủy răng, phía sau, răng sữa (không bao gồm phục hình hoàn thiện)	1 cho mỗi răng cả đời
D3310	Điều trị nội nha, răng phía trước (không bao gồm phục hình hoàn thiện)	1 cho mỗi răng cả đời
D3320	Điều trị nội nha, răng tiền hàm (không bao gồm phục hình hoàn thiện)	1 cho mỗi răng cả đời
D3331	Điều trị tắc ống tủy răng; phương pháp tiếp cận không phẫu thuật	1 cho mỗi răng cả đời
D3332	Điều trị nội nha không hoàn toàn; răng không thể phẫu thuật, không thể phục hồi, nứt gãy	1 cho mỗi răng cả đời
D3333	Sửa chữa vết thủng nội chân răng	1 cho mỗi răng cả đời
D3346	Điều trị lại liệu pháp điều trị ống tủy răng trước đó, phía trước	1 cho mỗi răng cả đời
D3347	Điều trị lại liệu pháp điều trị ống tủy răng trước đó, răng tiền hàm	1 cho mỗi răng cả đời
D3348	Điều trị lại liệu pháp điều trị ống tủy răng trước đó, răng hàm	1 cho mỗi răng cả đời
D3351	Đóng chóp/bù canxi, lần khám đầu tiên	1 cho mỗi răng cả đời
D3352	Đóng chóp/bù canxi, thay thuốc tạm thời	1 cho mỗi răng cả đời
D3353	Đóng chóp/bù canxi, lần khám cuối cùng	1 cho mỗi răng cả đời
D3410	Cắt chóp chân răng, phía trước	1 cho mỗi răng cả đời
D3421	Cắt chóp chân răng, răng tiền hàm (chân răng đầu tiên)	1 cho mỗi răng cả đời
D3425	Cắt chóp chân răng, răng hàm (chân răng đầu tiên)	1 cho mỗi răng cả đời
D3426	Cắt chóp chân răng (mỗi chân răng khác)	1 cho mỗi răng cả đời
D3430	Trám ngược, mỗi chân răng	1 cho mỗi răng cả đời
D3450	Cắt cụt chân răng, mỗi chân răng	1 cho mỗi răng cả đời

Mã số	Mô Tả Mã	Tính Định Kỳ
D3471	Phẫu thuật khắc phục tiêu chân răng - phía trước	1 cho mỗi răng cả đời
D3472	Phẫu thuật khắc phục tiêu chân răng - răng tiền hàm	1 cho mỗi răng cả đời
D3473	Phẫu thuật khắc phục tiêu chân răng - răng hàm	1 cho mỗi răng cả đời
D3501	Phẫu thuật bộc lộ bề mặt chân răng không cắt chóp chân răng hoặc khắc phục tiêu chân răng phía trước	1 cho mỗi răng cả đời
D3502	Phẫu thuật bộc lộ bề mặt chân răng không cắt chóp chân răng hoặc khắc phục tiêu chân răng - răng tiền hàm	1 cho mỗi răng cả đời
D3503	Phẫu thuật bộc lộ bề mặt chân răng không cắt chóp chân răng hoặc khắc phục tiêu chân răng - răng hàm	1 cho mỗi răng cả đời
D3920	Chia cắt chân răng, không bao gồm trị liệu ống tủy răng	1 cho mỗi răng cả đời
D3921	Cắt bỏ thân răng hoặc nhấn răng đã mọc	1 cho mỗi răng cả đời
D3999	Thủ thuật nội nha không xác định, theo báo cáo	1 cho mỗi răng cả đời
D4210	Cắt nướu hoặc tạo hình nướu, bốn răng trở lên trên mỗi góc phần tư	1 mỗi 36 tháng cho mỗi góc phần tư
D4211	Cắt nướu hoặc tạo hình nướu, một đến ba răng trên mỗi góc phần tư	1 mỗi 36 tháng cho mỗi góc phần tư
D4212	Cắt nướu hoặc tạo hình nướu để tạo đường tiếp cận cho thủ thuật phục hồi, mỗi răng	1 cho mỗi răng cả đời
D4240	Thủ thuật lật vạt nướu, bốn răng trở lên trên mỗi góc phần tư	1 mỗi 36 tháng cho mỗi góc phần tư
D4241	Thủ thuật lật vạt nướu, một đến ba răng trên mỗi góc phần tư	1 mỗi 36 tháng cho mỗi góc phần tư
D4249	Làm dài thân răng lâm sàng, mô cứng	1 cho mỗi răng cả đời
D4260	Phẫu thuật xương, bốn răng trở lên trên mỗi góc phần tư	1 mỗi 36 tháng cho mỗi góc phần tư
D4261	Phẫu thuật xương, một đến ba răng trên mỗi góc phần tư	1 mỗi 36 tháng cho mỗi góc phần tư
D4263	Mảnh ghép thay thế xương, giữ lại răng tự nhiên, vị trí đầu tiên, góc phần tư	1 mỗi 36 tháng cho mỗi góc phần tư
D4264	Mảnh ghép thay thế xương, giữ lại răng tự nhiên, mỗi vị trí khác	1 mỗi 36 tháng cho mỗi góc phần tư

Mã số	Mô Tả Mã	Tính Định Kỳ
D4265	Vật liệu sinh học để hỗ trợ tái tạo mô mềm và mô xương tại mỗi vị trí	1 mỗi 36 tháng cho mỗi vị trí
D4266	Tái tạo mô có hướng dẫn, rào chắn có thể hấp thụ, tại mỗi vị trí	1 mỗi 36 tháng cho mỗi vị trí
D4267	Tái tạo mô có hướng dẫn, rào chắn không thể hấp thụ, tại mỗi vị trí	1 mỗi 36 tháng cho mỗi vị trí
D4273	Thủ thuật ghép mô liên kết tự thân, răng đầu tiên	1 mỗi 36 tháng cho mỗi vị trí/góc
D4275	Ghép mô liên kết không tự thân, răng đầu tiên	1 mỗi 36 tháng cho mỗi vị trí/góc
D4277	Ghép mô mềm rời, răng đầu tiên	1 mỗi 36 tháng cho mỗi vị trí/góc
D4278	Ghép mô mềm rời, mỗi răng khác	1 mỗi 36 tháng cho mỗi vị trí/góc
D4283	Thủ thuật ghép mô liên kết tự thân, mỗi răng khác, tại mỗi vị trí	1 mỗi 36 tháng cho mỗi vị trí/góc
D4285	Thủ thuật ghép mô liên kết không tự thân, mỗi răng khác, tại mỗi vị trí	1 mỗi 36 tháng cho mỗi vị trí/góc
D4346	Cạo vôi răng khi có tình trạng viêm ở mức độ trung bình hoặc nặng, toàn hàm sau khi đánh giá	1 mỗi 24 tháng cho mỗi thủ thuật
D4920	Thay băng gạc ngoài dự kiến (khác nha sĩ hoặc nhân viên điều trị)	1 mỗi 12 tháng cho mỗi thủ thuật
D4999	Thủ thuật nha chu không xác định, theo báo cáo	1 mỗi 12 tháng cho mỗi thủ thuật
D5211	Răng giả một phần hàm trên, đế nhựa	1 mỗi 60 tháng cho mỗi thủ thuật
D5212	Răng giả một phần hàm dưới, đế nhựa	1 mỗi 60 tháng cho mỗi thủ thuật
D5213	Răng giả một phần hàm trên, mẫu đúc bằng kim loại, đế nhựa	1 mỗi 60 tháng cho mỗi thủ thuật
D5214	Răng giả một phần hàm dưới, mẫu đúc bằng kim loại, đế nhựa	1 mỗi 60 tháng cho mỗi thủ thuật
D5221	Răng giả một phần hàm trên gắn ngay, đế nhựa	1 mỗi 60 tháng cho mỗi thủ thuật
D5222	Răng giả một phần hàm dưới gắn ngay, đế nhựa	1 mỗi 60 tháng cho mỗi thủ thuật
D5223	Răng giả một phần hàm trên gắn ngay, khung kim loại đúc, đế răng giả bằng nhựa	1 mỗi 60 tháng cho mỗi thủ thuật
D5224	Răng giả một phần hàm dưới gắn ngay, khung kim loại đúc, đế răng giả bằng nhựa	1 mỗi 60 tháng cho mỗi thủ thuật
D5225	Răng giả một phần hàm trên, đế dẻo	1 mỗi 60 tháng cho mỗi thủ thuật

Mã số	Mô Tả Mã	Tính Định Kỳ
D5226	Răng giả một phần hàm dưới, đế dẻo	1 mỗi 60 tháng cho mỗi thủ thuật
D5227	Răng giả một phần hàm trên gắn ngay, đế dẻo (bao gồm tất cả móc cài, điểm tựa và răng)	1 mỗi 60 tháng cho mỗi thủ thuật
D5228	Răng giả một phần hàm dưới gắn ngay, đế dẻo (bao gồm tất cả móc cài, điểm tựa và răng)	1 mỗi 60 tháng cho mỗi thủ thuật
D5282	Răng giả một phần một bên có thể tháo rời, kim loại đúc nguyên khối, hàm trên	1 mỗi 60 tháng cho mỗi thủ thuật
D5283	Răng giả một phần một bên có thể tháo rời, kim loại đúc nguyên khối, hàm dưới	1 mỗi 60 tháng cho mỗi thủ thuật
D5284	Răng giả một phần có thể tháo rời một bên, đế dẻo, tại mỗi góc phần tư	1 mỗi 60 tháng cho mỗi thủ thuật
D5286	Răng giả một phần có thể tháo rời một bên, đế nhựa, tại mỗi góc phần tư	1 mỗi 60 tháng cho mỗi góc phần tư
D5621	Sửa chữa khung đúc một phần, hàm dưới	1 mỗi 12 tháng
D5622	Sửa chữa khung đúc một phần, hàm trên	1 mỗi 12 tháng
D5630	Sửa chữa hoặc thay thế móc cài giữ bị hỏng, cho mỗi răng	1 mỗi 12 tháng cho mỗi cung hàm
D5670	Thay tất cả răng & acrylic trên khung kim loại đúc, hàm trên	1 mỗi 24 tháng cho mỗi cung hàm
D5671	Thay tất cả răng & acrylic trên khung kim loại đúc, hàm dưới	1 mỗi 24 tháng cho mỗi cung hàm
D5725	Làm lại đế bộ phận giả kết hợp	1 mỗi 24 tháng cho mỗi cung hàm mỗi thủ thuật
D5765	Đệm lót mềm cho răng giả toàn hàm hoặc một phần có thể tháo rời - gián tiếp	1 mỗi 24 tháng cho mỗi cung hàm mỗi thủ thuật
D5850	Điều hòa mô, hàm trên	1 mỗi 12 tháng
D5851	Điều hòa mô, hàm dưới	1 mỗi 12 tháng
D5863	Hàm phủ toàn hàm, toàn bộ, hàm trên	1 mỗi 60 tháng cho mỗi thủ thuật
D5864	Hàm phủ toàn hàm, một phần, hàm trên	1 mỗi 60 tháng cho mỗi thủ thuật
D5865	Hàm phủ toàn hàm, toàn bộ, hàm dưới	1 mỗi 60 tháng cho mỗi thủ thuật
D5866	Hàm phủ toàn hàm, một phần, hàm dưới	1 mỗi 60 tháng cho mỗi thủ thuật
D5899	Thủ thuật phục hình răng có thể tháo rời không xác định, theo báo cáo	1 mỗi 12 tháng cho mỗi cung hàm mỗi thủ thuật

Mã số	Mô Tả Mã	Tính Định Kỳ
D6205	Cầu răng, chất liệu tổng hợp gốc nhựa gián tiếp	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6210	Cầu răng, mẫu đúc bằng kim loại rất quý	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6211	Cầu răng, mẫu đúc bằng chủ yếu kim loại thường	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6212	Cầu răng, mẫu đúc bằng kim loại quý	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6214	Cầu răng - titan	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6240	Cầu răng - sứ bọc ngoài kim loại rất quý	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6241	Cầu răng - sứ bọc ngoài chủ yếu kim loại thường	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6242	Cầu răng, sứ bọc ngoài kim loại quý	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6243	Cầu răng - sứ bọc ngoài titan và hợp kim titan	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6245	Cầu răng, sứ	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6250	Cầu răng - nhựa với kim loại rất quý	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6251	Cầu răng, nhựa với chủ yếu kim loại thường	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6252	Cầu răng, nhựa với kim loại quý	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6253	Cầu răng tạm thời - cần điều trị thêm hoặc hoàn tất chẩn đoán trước khi lấy dấu răng lần cuối	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6545	Bộ phận cố định, kim loại đúc đối với bộ phận giả cố định dán bằng nhựa	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6548	Bộ phận cố định, sứ, bộ phận giả cố định dán bằng nhựa	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6549	Bộ phận cố định bằng nhựa, dùng cho bộ phận giả cố định dán bằng nhựa	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6600	Miếng trám phủ bên trong, sứ, hai mặt	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6601	Miếng trám bên trong cố định, sứ, ba mặt trở lên	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6602	Miếng trám bên trong cố định, mẫu đúc bằng kim loại rất quý, hai mặt	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng

Mã số	Mô Tả Mã	Tính Định Kỳ
D6603	Miếng trám bên trong cố định, mẫu đúc bằng kim loại rất quý, ba mặt trở lên	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6604	Miếng trám bên trong cố định, mẫu đúc bằng kim loại thường, hai mặt	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6605	Miếng trám bên trong cố định, mẫu đúc bằng kim loại thường, ba mặt trở lên	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6606	Miếng trám bên trong cố định, mẫu đúc bằng kim loại quý, hai mặt	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6607	Miếng trám bên trong cố định, mẫu đúc bằng kim loại quý, ba mặt trở lên	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6608	Miếng trám phủ bên trên cố định, sứ, hai mặt	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6609	Miếng trám phủ bên trên cố định, sứ, ba mặt trở lên	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6610	Miếng trám phủ bên trên cố định - mẫu đúc bằng kim loại rất quý, hai mặt trở lên	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6611	Miếng trám phủ bên trên cố định - mẫu đúc bằng kim loại rất quý, ba mặt trở lên	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6612	Miếng trám phủ bên trên cố định, mẫu đúc bằng kim loại thường, hai mặt	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6613	Miếng trám phủ bên trên cố định, mẫu đúc bằng kim loại thường, ba mặt trở lên	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6614	Miếng trám phủ bên trên cố định, mẫu đúc bằng kim loại quý, hai mặt	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6615	Miếng trám phủ bên trên cố định, mẫu đúc bằng kim loại quý, ba mặt trở lên	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6710	Mão răng cố định, chất liệu tổng hợp gốc nhựa gián tiếp	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6720	Mão răng cố định - nhựa với kim loại rất quý	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6721	Mão răng cố định, nhựa với chủ yếu kim loại thường	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6722	Mão răng cố định, nhựa với kim loại quý	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6740	Mão răng cố định, sứ	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6750	Mão răng - Sứ Bọc Ngoài Kim Loại Rất Quý	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6751	Mão răng cố định, sứ bọc ngoài chủ yếu kim loại thường	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6752	Mão răng cố định, sứ bọc ngoài kim loại quý	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng

Mã số	Mô Tả Mã	Tính Định Kỳ
D6753	Mão răng cố định - sứ bọc ngoài titan và hợp kim titan	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6780	Mão răng cố định - $\frac{3}{4}$ mẫu đúc bằng kim loại rất quý	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6781	Mão răng cố định, $\frac{3}{4}$ mẫu đúc bằng chủ yếu kim loại thường	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6782	Mão răng cố định, $\frac{3}{4}$ mẫu đúc bằng kim loại quý	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6783	Mão răng cố định, $\frac{3}{4}$ sứ	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6790	Mão răng cố định - toàn phần mẫu đúc bằng kim loại rất quý	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6791	Mão răng cố định, toàn phần mẫu đúc bằng chủ yếu kim loại thường	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6792	Mão răng cố định, toàn phần mẫu đúc bằng kim loại quý	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6794	Mão răng cố định - titan	1 mỗi 84 tháng hoặc 7 năm cho mỗi răng
D6930	Gắn lại hoặc dán lại răng giả một phần cố định	1 mỗi 24 tháng cho mỗi răng
D6980	Sửa chữa răng giả một phần cố định, chất liệu phục hình bị hỏng	1 mỗi 24 tháng cho mỗi cung hàm mỗi thủ thuật
D6999	Thủ thuật phục hình răng cố định không xác định, theo báo cáo	1 mỗi 24 tháng cho mỗi cung hàm mỗi thủ thuật
D7111	Nhổ răng, phần còn lại của thân răng-răng sữa	
D7251	Cắt bỏ thân răng - loại bỏ có chủ ý một phần răng	1 cho mỗi răng cả đời
D7261	Đóng lỗ thủng xoang sơ khởi	Một lần cho mỗi góc phần tư trong suốt cuộc đời
D7283	Đặt thiết bị để tạo điều kiện cho răng bị ảnh hưởng mọc lên	
D7290	Phẫu thuật điều chỉnh vị trí răng	Một lần cho mỗi răng trong suốt cuộc đời
D7291	Cắt dây chằng quanh răng xuyên vách/cắt dây chằng quanh răng trên đỉnh, theo báo cáo	Một lần cho mỗi răng trong suốt cuộc đời
D7413	Cắt bỏ tổn thương ác tính, tối đa 1.25 cm	không giới hạn trên mỗi thủ thuật
D7414	Cắt bỏ tổn thương ác tính, trên 1.25 cm	không giới hạn trên mỗi thủ thuật
D7440	Cắt bỏ u ác tính, tối đa 1.25 cm	không giới hạn trên mỗi thủ thuật

Mã số	Mô Tả Mã	Tính Định Kỳ
D7441	Cắt bỏ u ác tính, trên 1.25 cm	không giới hạn trên mỗi thủ thuật
D7450	Loại bỏ, u nang/u do răng lành tính, tối đa 1.25 cm	không giới hạn trên mỗi thủ thuật
D7451	Loại bỏ, u nang/u do răng lành tính, trên 1.25 cm	không giới hạn trên mỗi thủ thuật
D7460	Loại bỏ, u nang/u không phải do răng lành tính, tối đa 1.25 cm	không giới hạn trên mỗi thủ thuật
D7461	Loại bỏ, u nang/u không phải do răng lành tính, trên 1.25 cm	không giới hạn trên mỗi thủ thuật
D7465	Tiêu diệt tổn thương bằng phương pháp vật lý hoặc hóa học, theo báo cáo	không giới hạn trên mỗi thủ thuật
D7471	Loại bỏ chồi xương bên, hàm trên hoặc hàm dưới	1 cho mỗi thủ thuật cả đời
D7472	Loại bỏ lõi xương hàm trên	1 cho mỗi thủ thuật cả đời
D7473	Loại bỏ lõi xương hàm dưới	1 cho mỗi thủ thuật cả đời
D7485	Thu nhỏ lõi củ xương	1 cho mỗi góc hàm trên cả đời
D7511	Rạch và dẫn lưu ổ áp xe, mô mềm trong miệng, phức tạp	không giới hạn trên mỗi thủ thuật
D7520	Rạch và dẫn lưu ổ áp xe, mô mềm ngoài miệng	không giới hạn trên mỗi thủ thuật
D7521	Rạch và dẫn lưu ổ áp xe, mô mềm ngoài miệng, phức tạp	không giới hạn trên mỗi thủ thuật
D7530	Loại bỏ dị vật, niêm mạc, da, mô	không giới hạn trên mỗi thủ thuật
D7540	Loại bỏ dị vật gây phản ứng, hệ cơ xương	không giới hạn trên mỗi thủ thuật
D7953	Mảnh ghép thay thế xương để bảo tồn sống hàm - tại mỗi vị trí	1 cho mỗi răng cả đời
D7961	Cắt bỏ phanh môi trên/tạo hình phanh môi trên hàm trên	1 mỗi 60 tháng cho mỗi thủ thuật
D7962	Cắt bỏ phanh môi trên/tạo hình phanh môi trên hàm dưới	1 mỗi 60 tháng cho mỗi thủ thuật
D7963	Tạo hình phanh môi trên	1 mỗi 60 tháng cho mỗi thủ thuật
D7972	Phẫu thuật thu nhỏ lõi củ xương	1 cho mỗi góc hàm trên cả đời
D7999	Thủ thuật phẫu thuật vùng miệng không xác định, theo báo cáo	không giới hạn trên mỗi thủ thuật

Mã số	Mô Tả Mã	Tính Định Kỳ
D9120	Phân đoạn răng giả một phần cố định	1 mỗi 12 tháng cho mỗi thủ thuật
D9222	An thần sâu/gây mê toàn thân, 15 phút tăng dần đầu tiên	không giới hạn trên mỗi thủ thuật
D9223	An thần sâu/gây mê toàn thân, mỗi 15 phút tăng dần sau đó	không giới hạn trên mỗi thủ thuật
D9430	Khám tại phòng khám, quan sát, giờ làm việc bình thường, không có dịch vụ khác	1 mỗi 6 tháng cho mỗi thủ thuật
D9610	Thuốc Tiêm Truyền Điều Trị, Dùng Một Lần	không giới hạn trên mỗi thủ thuật
D9612	Thuốc tiêm truyền điều trị, dùng hai lần trở lên, nhiều loại thuốc khác nhau.	không giới hạn trên mỗi thủ thuật
D9930	Điều trị biến chứng, sau phẫu thuật, bất thường, theo báo cáo	1 lần trên mỗi ngày cung cấp dịch vụ
D9944	Thiết bị bảo vệ khớp cắn, khí cụ cứng, toàn cung hàm	1 mỗi 60 tháng cho mỗi thủ thuật
D9945	Thiết bị bảo vệ khớp cắn, khí cụ mềm, toàn cung hàm	1 mỗi 60 tháng cho mỗi thủ thuật
D9946	Thiết bị bảo vệ khớp cắn, khí cụ cứng, một phần cung hàm	1 mỗi 60 tháng cho mỗi thủ thuật
D9951	Điều chỉnh khớp cắn, hạn chế	1 mỗi 24 tháng cho mỗi thủ thuật
D9999	Thủ thuật hỗ trợ không xác định, theo báo cáo	1 lần trên mỗi ngày cung cấp dịch vụ

Trang này cố ý để trống.

Trang này cố ý để trống.

Trang này cố ý để trống.